

Số: /UBND-GPMT TP. Kon Tum, ngày tháng năm

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Dịch vụ Điện lực Miền Trung ngày 11 tháng 7 năm 2023 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Kon Tum tại Tờ trình số 122/TTr-TNMT ngày 03 tháng 8 năm 2023 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường Dự án: “Xưởng sửa chữa, thử nghiệm thiết bị điện và gia công cơ khí Xí nghiệp Dịch vụ Điện lực Kon Tum” của Công ty Dịch vụ Điện lực Miền Trung;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Dịch vụ Điện lực Miền Trung, địa chỉ tại số 81 - 89 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Xưởng sửa chữa, thử nghiệm thiết bị điện và gia công cơ khí Xí nghiệp Dịch vụ Điện lực Kon Tum” tại Lô H, KCN Hòa Bình, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung:

1.1. Tên dự án đầu tư: Xưởng sửa chữa, thử nghiệm thiết bị điện và gia công cơ khí Xí nghiệp Dịch vụ Điện lực Kon Tum.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô H, Khu công nghiệp Hòa Bình, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh mã số doanh nghiệp 0400101394-024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp, đăng ký lần đầu ngày 14/5/2010, đăng ký thay đổi lần 10 ngày 28/3/2023.

1.4. Mã số thuế: 0400101394-024

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Thiết bị điện, cấu kiện cơ khí công trình điện.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Diện tích đất sử dụng: 1.604 m².

- Công suất thiết kế: Trên 20 công trình xây lắp, 90 công trình sửa chữa, thí nghiệm và gia công cơ khí.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

(Có các Phụ lục 1,2,3 kèm theo)

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm Công ty Dịch vụ Điện lực Miền Trung.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Dịch vụ Điện lực Miền Trung có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm tính từ ngày ký giấy phép.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Kon Tum tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty Dịch vụ Điện lực Miền Trung;
- Phòng TN&MT thành phố;
- Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh;
- UBND Phường Nguyễn Trãi;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, MT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Dương Anh Hùng

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số..... ngày.....tháng..... năm của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, nhân viên: 2,24 m³/ngày đêm.

2. Dòng nước thải:

- Dòng nước thải: 02 dòng (Nước thải phát sinh từ các khu vực nhà vệ sinh thu gom và xử lý bằng 02 hệ thống bể tự):

+ Dòng số 1: Nước thải phát sinh từ khu nhà kho kín.

+ Dòng số 2: Nước thải phát sinh nhà làm việc đội thí nghiệm, hotline.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống mương thoát nước chung của Khu công nghiệp Hòa Bình.

2.2. Vị trí xả nước thải:

+ Nước thải sau khi xử lý qua hệ thống bể tự hoại được dẫn vào hố ga tại khu vực nhà kho kín có tọa độ: X = 1584449; Y= 0551943; khu vực nhà làm việc đội thí nghiệm, hotline có tọa độ: X = 1584485; Y= 0551920.

+ Vị trí đầu nối với Hệ thống mương thoát nước chung của KCN: Nước thải từ hố ga khu vực nhà kho kín dẫn ra mương thoát nước có tọa độ: X = 1584448; Y= 0551937 và Nước thải từ hố ga khu vực nhà làm việc đội thí nghiệm, hotline dẫn ra mương thoát nước có tọa độ: X = 1584468; Y= 0551931.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 2,24 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: 24/24.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận:

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B), cụ thể như sau:

| TT | Thông số | Đơn vị | QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B) | |
|----|--------------------------------|--------|-------------------------------|----------------------------|
| | | | C | C _{max} (K = 1,2) |
| 1 | pH | - | 5 – 9 | 5 – 9 |
| 2 | BOD ₅ ²⁰ | mg/L | 50 | 60 |
| 3 | TSS | mg/L | 100 | 120 |
| 4 | NH ₄ ⁺ | mg/L | 10 | 12 |

| TT | Thông số | Đơn vị | QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B) | |
|----|--------------------------------|-----------|-------------------------------|----------------------------|
| | | | C | C _{max} (K = 1,2) |
| 5 | NO ₃ ⁻ | mg/L | 50 | 60 |
| 6 | Dầu mỡ động thực vật | mg/L | 20 | 24 |
| 7 | Tổng các chất hoạt động bề mặt | mg/L | 10 | 12 |
| 8 | PO ₄ ³⁻ | mg/L | 10 | 12 |
| 9 | Tổng Coliform | MPN/100ml | 5.000 | 5.000 |

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Đối với nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải từ khu nhà vệ sinh (xả từ xí, tiểu thoát) theo các tuyến ống riêng (đường kính ống PVC Φ114) dẫn vào bể tự hoại, nước thải sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn được dẫn vào hố ga và thoát ra hệ thống thoát nước chung của KCN.

+ Nước thải vệ sinh từ Lavabo, thoát sàn theo tuyến riêng (các đường kính ống PVCΦ90) được dẫn vào hố ga, sau đó thoát ra hệ thống thoát nước chung của KCN.

- Đối với nước thải sản xuất: Dự án không phát sinh nước thải sản xuất.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Nước thải sinh hoạt:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn đặt ngầm bên trong khu vực dự án có dung tích thiết kế là 3 m³ và 6 m³, đảm bảo khả năng xử lý đối với lượng nước thải phát sinh. Nước thải sau xử lý qua hầm tự hoại sau đó được dẫn vào hố ga và thoát ra hệ thống thoát nước chung của KCN.

1.2.2. Nước thải sản xuất:

- Dự án không phát sinh nước thải sản xuất.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Dự án không thuộc đối tượng phải giám sát tự động, liên tục đối với nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm đối với nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

trước khi dẫn về Hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Hòa Bình.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo:

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số... ngày... tháng... năm ... của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các phương tiện đi lại của cán bộ, nhân viên làm việc tại xưởng.

- Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sửa chữa điện, thử nghiệm thiết bị điện và gia công cơ khí.

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các máy phát điện dự phòng khi hoạt động.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn: Nơi làm việc tại xưởng gia công cơ khí và sửa chữa thiết bị, xưởng thí nghiệm, văn phòng,...

3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. Độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Đối với tiếng ồn phát sinh do hoạt động của các phương tiện giao thông: Quy định các phương tiện phải tắt máy khi dừng đỗ, không được bóp còi trong khu vực dự án.

- Đối với tiếng ồn, độ rung từ máy phát điện: Bố trí nhà đặt máy phát điện cách xa khu vực làm việc; nền móng phải được xây dựng vững chắc bằng bê tông có chất lượng cao; lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su và các bộ phận tiêu âm. Tuy nhiên máy phát điện hoạt động không thường xuyên và chỉ vận hành trong thời gian ngắn khi bị mất điện nên hầu như gây ảnh hưởng không đáng kể đến môi trường xung quanh.

- Trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động, nút bịt tai cho công nhân viên làm việc thường xuyên tại nơi có tiếng ồn như: Xưởng gia công cơ khí, xưởng thí nghiệm, văn phòng,...

- Lắp các miếng đệm, bộ chống rung cho MBA; lắp vách ngăn giảm thiểu

tiếng ồn.

- Trang bị bảo hộ lao động chống ồn cho công nhân vận hành làm việc gần MBA.

- Tuân thủ: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số..... ngày..... tháng..... năm của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Bảng 1. Dự báo thành phần và khối lượng các loại CTNH của nhà máy

| TT | Tên chất thải | Mã CTNH | Trạng thái tồn tại | Khối lượng (kg/năm) |
|----|--|----------|--------------------|---------------------|
| 1 | Chất hấp thụ vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại | 18 02 01 | Rắn | 30 |
| 2 | Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải | 16 01 06 | Rắn | 1 |
| | Tổng khối lượng | | | 31,0 |

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Đối với các lượng rác thải như giấy vụn, thùng carton... sẽ tiến hành thu gom và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

- Các linh kiện điện tử hỏng sẽ được phân loại thu gom xử lý đúng quy định

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 35 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng phi nhựa 120 lít, có nắp đậy tại kho chứa chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho chứa chất thải nguy hại:

- Diện tích kho chứa: 12 m².

- Thiết kế, cấu tạo của chứa chất thải nguy hại: Kiểu kho kín, có mái che, kết cấu chống thấm với nền bằng vật liệu chống thấm chuyên dụng.

- Thực hiện lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại theo hướng dẫn của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Đối với các lượng rác thải như giấy vụn, thùng carton,... sẽ tiến hành thu

gom và được các cơ sở thu mua phế liệu vận chuyển đi xử lý ngay khi phát sinh.

- Các linh kiện điện tử hỏng sẽ được phân loại thu gom xử lý đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng rác nhựa có thể tích 120 lít, có nắp đậy, đặt tại khu tập kết chất thải rắn thông thường.

2.3.2. Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt:

Chất thải được tập trung tại điểm thu gom rác thải trong Khu công nghiệp và đưa đi xử lý hợp vệ sinh (Công ty hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Kon Tum vận chuyển đưa đi xử lý với tần suất 01 lần/ngày)

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy.
- Thực hiện các biện pháp an toàn về điện.
- Thực hiện các biện pháp về an toàn lao động, giao thông.